TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **09**/2018/QĐST-HNGĐ	*NC, ngày 30 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2018/TLST/HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị H.

- Về con: Anh T và chị H có 01 con chung là Nguyễn Hữu Khánh Đ, sinh ngày 14/10/2015. Chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con. Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ tháng 02/2018 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng. Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản nợ chung: Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số AA/2015/0006548 ngày 03/01/2018. Chấp nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan Thi hành án huyện N;
- UBND xã H, huyện H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp. (*Lê11*)

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huệ